

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
1	Lê Phương Thảo		1C	TViệt (1C) + Toán (1C) + GDTC (1C) + HĐCC (1C) + HĐTN (1C) + GDstem (1C)	21
2	Vũ Thị Nhung	TPCM	1E	TViệt (1E) + Toán (1E) + GDTC (1E) + HĐCC (1E) + HĐTN (1E) + GDstem (1E)	21
3	Phan Thị Mai Khanh		1A	TViệt (1A) + Toán (1A) + GDTC (1A) + HĐCC (1A) + HĐTN (1A) + GDstem (1A)	21
4	Nguyễn Thị Hà Vinh		1B	TViệt (1B) + Toán (1B) + GDTC (1B) + HĐCC (1B) + HĐTN (1B) + GDstem (1B)	21
5	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1D	TViệt (1D) + Toán (1D) + GDTC (1D) + HĐCC (1D) + HĐTN (1D) + GDstem (1D)	21
6	Cao Thị Thanh	TTCM	2B	TViệt (2B) + Toán (2B) + GDTC (2B) + HĐCC (2B) + HĐTN (2B) + GDstem (2B)	21
7	Phạm Thị Huệ		2A	TViệt (2A) + Toán (2A) + GDTC (2A) + ÂN (2A) + HĐCC (2A) + HĐTN (2A) + GDstem (2A)	21
8	Ngô Thị Tương Như		2C	TViệt (2C) + Toán (2C) + GDTC (2C) + HĐCC (2C) + HĐTN (2C) + GDstem (2C)	21
9	Vũ Thị Thủy		2D	TViệt (2D) + Toán (2D) + GDTC (2D) + HĐCC (2D) + HĐTN (2D) + GDstem (2D)	21
10	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	TBTTND	3A	TViệt (3A) + Toán (3A) + ĐĐức (3A) + TNXH (3A) + HĐCC (3A) + HĐTN (3A) + Công nghệ 3 (3A) + GDstem (3A)	21
11	Lê Thị Hưng		3B	TViệt (3B) + Toán (3B) + ĐĐức (3B) + TNXH (3B) + HĐCC (3B) + HĐTN (3B) + Công nghệ 3 (3B) + GDstem (3B)	21
12	Tạ Thị Thò		3C	TViệt (3C) + Toán (3C) + ĐĐức (3C) + TNXH (3C) + HĐCC (3C) + HĐTN (3C) + Công nghệ 3 (3C) + GDstem (3C)	21
13	Cao Thị Hương		3D	TViệt (3D) + Toán (3D) + ĐĐức (3D) + TNXH (3D) + HĐCC (3D) + HĐTN (3D) + Công nghệ 3 (3D) + GDstem (3D)	21
14	Chu Thị Huyền		4B	TViệt (4B) + Toán (4B) + ĐĐức (4B) + LSĐL (4B) + KH (4B) + HĐTN (4B) + GDstem (4B)	21
15	Cao Thị Lý		4D	TViệt (4D) + Toán (4D) + ĐĐức (4D) + LSĐL (4D) + KH (4D) + HĐTN (4D) + GDstem (4D)	21
16	Phan Thị Thủy	TTCM	4A	TViệt (4A) + Toán (4A) + ĐĐức (4A) + LSĐL (4A) + KH (4A) + HĐTN (4A) + GDstem (4A)	21
17	Võ Thị Châu			ĐĐức (1B, 1C, 1E, 2A, 2C, 2D) + ÂN (2B, 2C, 2D, 3A, 3B, 3C, 3D) + HĐTN (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 2D) + Công nghệ 4 (4A, 4B, 4C, 4D)	23
18	Hoàng Thị Hà		5A	TViệt (5A) + Toán (5A) + ĐĐức (5A) + LSĐL (5A) + KH (5A) + HĐTN (5A) + Công nghệ 5 (5A) + GDstem (5A)	22
19	Đậu Thị Chuyên	BCHCĐ	5E	TViệt (5E) + Toán (5E) + ĐĐức (5E) + LSĐL (5E) + KH (5E) + HĐTN (5E) + Công nghệ 5 (5E) + GDstem (5E)	22
20	Phạm Thị Mai		5B	TViệt (5B) + Toán (5B) + ĐĐức (5B) + LSĐL (5B) + KH (5B) + HĐTN (5B) + Công nghệ 5 (5B) + GDstem (5B)	22
21	Hồ Thị Linh		5D	TViệt (5D) + Toán (5D) + ĐĐức (5D) + LSĐL (5D) + KH (5D) + HĐTN (5D) + Công nghệ 5 (5D) + GDstem (5D)	22
22	Cao Thị Xuân	TPCM	5C	TViệt (5C) + Toán (5C) + ĐĐức (5C) + LSĐL (5C) + KH (5C) + HĐTN (5C) + Công nghệ 5 (5C) + GDstem (5C)	22
23	Trương Thị Hiền			ÂN (4A, 4B, 4C, 4D, 5A, 5B, 5C, 5D, 5E)	9
24	Đặng Văn Minh			GDTC (3A, 3C, 3D, 4A, 4B, 4C, 4D, 5A, 5B, 5C, 5D, 5E)	24
25	Đặng Thị Hồng Loan			TA Toán (3A, 3B, 4A, 4B, 4C, 4D, 5A, 5B, 5C, 5D, 5E)	22
26	Phạm Thị Thùy Giang			ĐĐức (2B) + Tin (2A, 2B, 2C, 2D, 3A, 3B, 3C, 3D, 4A, 4B, 4C, 4D, 5A, 5B, 5C, 5D, 5E) + ÂN (1A, 1B, 1C, 1D, 1E)	23
27	Thái Thị Huệ			AV (2A, 2B, 2C, 2D, 3A, 3B, 3C, 3D)	24
28	Trần Thị Quỳnh Ngọc			GDTC (2A) + MT (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 2A, 2B, 2C, 2D, 3A, 3B, 3C, 3D, 4A, 4B, 4C, 4D, 5A, 5B, 5C, 5D, 5E)	23
29	Trương Thị Hồng Quý			TA Toán (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 2A, 2B, 2C, 2D, 3C, 3D)	22
30	Đinh Thị Huyền		4C	TViệt (4C) + Toán (4C) + ĐĐức (4C) + LSĐL (4C) + KH (4C) + HĐTN (4C) + GDstem (4C)	21
31	Hoàng Thị Thanh Tám			GDTC (1B, 1C, 1D, 1E)	4
32	Lê Đình Bang			GDTC (3B)	2

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
33	Nguyễn Thị Lương			AV (1A, 1B, 1C, 1D, 4A, 4B, 4C, 4D)	24
34	Nguyễn Thị Ngọc Minh			AV (1E, 5A, 5B, 5C, 5D, 5E) + GDTC (1A)	23
35	Nguyễn Thị Định			ĐĐức (1A, 1D) + TNXH (1A, 1B, 1C, 1D, 1E, 2A, 2B, 2C, 2D) + HĐTN (2A, 2B, 2C)	23

Trường Tiểu Học Thị Trấn
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 2

Thực hiện từ Tuần 5 - Ngày 06 tháng 10 năm 2025

[illegible]

Trường Tiểu Học Thị Trấn
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 2

Thực hiện từ Tuần 5 - Ngày 06 tháng 10 năm 2025

Thứ	Tiết	2A (Huệ)		2B (Thanh)		2C (Nður)		2D (Thủy)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	HĐTN - Huệ	TNXH - Định	HĐTN - Thanh	TViệt - Thanh	HĐTN - Nður	GDKN số - Nður	HĐTN - Thủy	GDTC - Thủy
	2	TViệt - Huệ	MT - Ngọc	TViệt - Thanh	GDTC - Thanh	TViệt - Nður	TNXH - Định	TViệt - Thủy	GDKN số - Thủy
	3	HĐTN - Định	TA Toán - Quý	TViệt - Thanh	GDKN số - Thanh	TViệt - Nður	GDTC - Nður	TViệt - Thủy	Toán - Thủy
	4	Toán - Huệ		Toán - Thanh		Toán - Nður		Toán - Thủy	
	5								
3	1	TViệt - Huệ	TA Toán - Quý	ĐĐức - Giang	TViệt - Thanh	TViệt - Nður	TNXH - Định	TViệt - Thủy	AV - T. Huệ
	2	TViệt - Huệ	ĐĐức - Châu	TNXH - Định	TViệt - Thanh	TViệt - Nður	MT - Ngọc	TViệt - Thủy	TNXH - Định
	3	AV - T. Huệ	GDTC - Ngọc	TA Toán - Quý	Toán - Thanh	HĐTN - Định	TA Toán - Quý	ÂN - Châu	Tin - Giang
	4	TNXH - Định		AV - T. Huệ		Toán - Nður		Toán - Thủy	
	5								
4	1	TViệt - Huệ		TNXH - Định		TViệt - Nður		TViệt - Thủy	
	2	TViệt - Huệ		Toán - Thanh		TViệt - Nður		TViệt - Thủy	
	3	Tin - Giang		TViệt - Thanh		Toán - Nður		Toán - Thủy	
	4	Toán - Huệ		TViệt - Thanh		GDTC - Nður		GDTC - Thủy	
	5								
5	1	TViệt - Huệ	Toán - Huệ	Tin - Giang	Toán - Thanh	ÂN - Châu	Toán - Nður	TViệt - Thủy	HĐTN - Châu
	2	TViệt - Huệ	GDTC - Huệ	AV - T. Huệ	HĐTN - Định	TA Toán - Quý	TViệt - Nður	TViệt - Thủy	ĐĐức - Châu
	3	AV - T. Huệ	GDKN số - Huệ	TA Toán - Quý	TViệt - Thanh	TViệt - Nður	GDstem - Nður	MT - Ngọc	TNXH - Định
	4	Toán - Huệ		MT - Ngọc		TViệt - Nður		TA Toán - Quý	
	5								
6	1	TViệt - Huệ	Toán - Huệ	TViệt - Thanh	GDTC - Thanh	Tin - Giang	TViệt - Nður	AV - T. Huệ	GDstem - Thủy
	2	TViệt - Huệ	TViệt - Huệ	TViệt - Thanh	GDstem - Thanh	ĐĐức - Châu	Toán - Nður	TViệt - Thủy	TA Toán - Quý
	3	ÂN - Huệ	HĐTN - Huệ	Toán - Thanh	HĐTN - Thanh	AV - T. Huệ	HĐTN - Nður	TViệt - Thủy	HĐTN - Thủy
	4	GDstem - Huệ		ÂN - Châu		AV - T. Huệ		Toán - Thủy	
	5								

Trường Tiểu Học Thị Trấn
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 2

Thực hiện từ Tuần 5 - Ngày 06 tháng 10 năm 2025

Thứ	Tiết	3A (Hoa)		3B (Hưng)		3C (Thỏa)		3D (Hương)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	HĐTN - Hoa	Toán - Hoa	HĐTN - Hưng	ĐĐức - Hưng	HĐTN - Thỏa	TViệt - Thỏa	HĐTN - Hương	Toán - Hương
	2	TViệt - Hoa	GDKN số - Hoa	TViệt - Hưng	Công nghệ 3 - Hưng	GDTC - Đ. Minh	TViệt - Thỏa	TViệt - Hương	TNXH - Hương
	3	TViệt - Hoa	Công nghệ 3 - Hoa	TViệt - Hưng	GDKN số - Hưng	TA Toán - Quý	ÂN - Châu	TViệt - Hương	Công nghệ 3 - Hương
	4	ĐĐức - Hoa		Toán - Hưng		Toán - Thỏa		TA Toán - Quý	
	5								
3	1	TViệt - Hoa	GDTC - Đ. Minh	AV - T. Huệ	TViệt - Hưng	GDTC - Đ. Minh	TViệt - Thỏa	TViệt - Hương	TNXH - Hương
	2	TViệt - Hoa	AV - T. Huệ	ÂN - Châu	Toán - Hưng	AV - T. Huệ	Toán - Thỏa	TViệt - Hương	ĐĐức - Hương
	3	Toán - Hoa	AV - T. Huệ	TA Toán - Loan	TNXH - Hưng	MT - Ngọc	ĐĐức - Thỏa	Toán - Hương	HĐTN - Hương
	4	TA Toán - Loan		MT - Ngọc		TA Toán - Quý		GDKN số - Hương	
	5								
4	1	AV - T. Huệ		TViệt - Hưng		Toán - Thỏa		Tin - Giang	
	2	TA Toán - Loan		Toán - Hưng		TViệt - Thỏa		TA Toán - Quý	
	3	Toán - Hoa		TA Toán - Loan		AV - T. Huệ		Toán - Hương	
	4	HĐTN - Hoa		AV - T. Huệ		HĐTN - Thỏa		TViệt - Hương	
	5								
5	1	TViệt - Hoa	Tin - Giang	AV - T. Huệ	TNXH - Hưng	TViệt - Thỏa	Toán - Thỏa	TViệt - Hương	AV - T. Huệ
	2	TNXH - Hoa	GDTC - Đ. Minh	TViệt - Hưng	GDTC - Bang	TViệt - Thỏa	GDKN số - Thỏa	TViệt - Hương	AV - T. Huệ
	3	ÂN - Châu	AV - T. Huệ	TViệt - Hưng	HĐTN - Hưng	TNXH - Thỏa	TNXH - Thỏa	Toán - Hương	GDTC - Đ. Minh
	4	Toán - Hoa		Toán - Hưng		Công nghệ 3 - Thỏa		AV - T. Huệ	
	5								
6	1	MT - Ngọc	Toán - Hoa	Toán - Hưng	AV - T. Huệ	TViệt - Thỏa	Tin - Giang	Toán - Hương	MT - Ngọc
	2	TViệt - Hoa	GDstem - Hoa	TViệt - Hưng	GDTC - Bang	Toán - Thỏa	AV - T. Huệ	AV - T. Huệ	GDTC - Đ. Minh
	3	TViệt - Hoa	HĐTN - Hoa	GDstem - Hưng	Tin - Giang	GDstem - Thỏa	AV - T. Huệ	HĐTN - Hương	ÂN - Châu
	4	TNXH - Hoa		HĐTN - Hưng		HĐTN - Thỏa		GDstem - Hương	
	5								

Trường Tiểu Học Thị Trấn
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 2
Thực hiện từ Tuần 5 - Ngày 06 tháng 10 năm 2025

THỨ	TIẾT	4A (P. Thủy)		4B (Huyền)		4C (Huyền B)		4D (Lý)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	HĐTN - P. Thủy	ÂN - Hiền	HĐTN - Huyền	AV - N.Lương	HĐTN -D. Huyền	Toán - D. Huyền	HĐTN - Lý	MT - Ngọc
	2	TViệt - P. Thủy	LSĐL - P. Thủy	TViệt - Huyền	GDTC - Đ. Minh	TViệt -D. Huyền	KH - D. Huyền	TViệt - Lý	AV - N.Lương
	3	GDTC - Đ. Minh	ĐĐức - P. Thủy	TViệt - Huyền	ÂN - Hiền	TViệt -D. Huyền	ĐĐức - D.Huyền	Toán - Lý	GDTC - Đ. Minh
	4	Toán - P. Thủy		Toán - Huyền		GDTC - Đ. Minh		ĐĐức - Lý	
	5								
3	1	Công nghệ 4 - Châu	MT - Ngọc	TViệt - Huyền	Toán - Huyền	ÂN - Hiền	Toán - D. Huyền	TViệt - Lý	Toán - Lý
	2	AV - N.Lương	TA Toán - Loan	TViệt - Huyền	LSĐL - Huyền	Tin - Giang	TViệt - D. Huyền	TViệt - Lý	Toán - Lý
	3	Toán - P. Thủy	GDTC - Đ. Minh	KH - Huyền	ĐĐức - Huyền	AV - N.Lương	Công nghệ 4 - Châu	GDTC - Đ. Minh	ÂN - Hiền
	4	TViệt - P. Thủy		GDTC - Đ. Minh		AV - N.Lương		KH - Lý	
	5								
4	1	TViệt - P. Thủy		TViệt - Huyền		AV - N.Lương		TA Toán - Loan	
	2	TViệt - P. Thủy		Toán - Huyền		TViệt - D Huyền		KH - Lý	
	3	Toán - P. Thủy		AV - N.Lương		Toán -D.Huyền		Toán - Lý	
	4	KH - P. Thủy		Công nghệ 4 - Châu		HĐTN - D. Huyền		AV - N.Lương	
	5	AV - N.Lương		TA Toán - Loan		LSĐL - D.Huyền		Công nghệ 4 - Châu	
5	1	TViệt - P. Thủy	LSĐL - P. Thủy	TA Toán - Loan	Toán - Huyền	TViệt - D.Huyền	TA Toán - Loan	AV - N.Lương	Toán - Lý
	2	TViệt - P. Thủy	GDstem - P. Thủy	MT - Ngọc	TViệt - Huyền	GDTC - Đ. Minh	TA Toán - Loan	TViệt - Lý	LSĐL - Lý
	3	KH - P. Thủy	HĐTN - P. Thủy	AV - N.Lương	HĐTN - Huyền	Toán - D. Huyền	MT - Ngọc	TViệt - Lý	HĐTN - Lý
	4	Toán - P. Thủy		Tin - Giang		AV - N.Lương		LSĐL - Lý	
	5								
6	1	TA Toán - Loan	TViệt - P. Thủy	Toán - Huyền	KH - Huyền	TViệt - D. Huyền	LSĐL - D.Huyền	TViệt - Lý	AV - N.Lương
	2	Tin - Giang	Toán - P. Thủy	AV - N.Lương	GDstem - Huyền	TViệt - D. Huyền	GDstem - D. Huyền	TViệt - Lý	Tin - Giang
	3	AV - N.Lương	HĐTN - P. Thủy	TViệt - Huyền	HĐTN - Huyền	Toán - D.Huyền	HĐTN - D. Huyền	GDstem - Lý	TA Toán - Loan
	4	AV - N.Lương		LSĐL - Huyền		KH - D. Huyền		HĐTN - Lý	
	5								

Trường Tiểu Học Thị Trấn
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 2

Thực hiện từ Tuần 5 - Ngày 06 tháng 10 năm 2025

[illegible]